

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63A/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v “Ly hôn giữa chị D với anh K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiểm;

Ông Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 140/2020/QĐST - HNGĐ ngày 17/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1997 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn L, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: anh Tạ Văn K, sinh năm 1994. (vắng mặt);

Nơi cư trú: phố V, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Tạ Văn K kết hôn ngày 17/4/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh K làm dâu luôn, vợ chồng ở chung cùng gia đình được khoảng hai tháng thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K ham chơi, không quan tâm đến vợ con. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị cùng gia đình đã hòa giải khuyên bảo anh K nhưng không thành. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 7/2019 đến nay chị và anh K sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chỉ xin ly hôn anh K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung là Tạ Thị Th, sinh ngày 27/7/2015; Tạ Bảo Ph, sinh ngày 21/8/2017, hiện chị đang nuôi dưỡng hai con. Ly hôn chị nhận nuôi hai con chung, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với anh Tạ Văn K là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh K đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh K về các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, nhưng anh K không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa, Tạ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, chưa chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử chị D được ly hôn anh K; Con chung: chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Tạ Thị Th, sinh ngày 27/7/2015; Tạ Bảo Ph, sinh ngày 21/8/2017. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: không xem xét giải quyết;

Về án phí: chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 07 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D với bị đơn

là anh Tạ Văn K cư trú tại phố V, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Tạ Văn K: anh Tạ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: chị Nguyễn Thị D và anh Tạ Văn K kết hôn ngày 17/4/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 7/2019 đến nay chị D và anh K sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải động viên nhiều lần để vợ chồng chị hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh đối với gia đình anh K và chính quyền địa phương cung cấp chị D anh K có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2019. Xét thấy, cuộc sống chung của chị D, anh K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị D được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh K sinh được 02 con chung là Tạ Thị Th, sinh ngày 27/7/2015; Tạ Bảo Ph, sinh ngày 21/8/2017, nay chị D nhận nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử thấy: Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị D là người trực tiếp nuôi hai con chung, khi chị D nuôi con thì các cháu được học tập và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án thì gia đình anh K cũng đề nghị nếu chị D anh K phải ly hôn thì giao con chung cho chị D nuôi. Như vậy, chị D đề nghị tiếp tục nuôi con chung là yêu cầu chính đáng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung khi ly hôn. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Tạ Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi hai con chung là Tạ Thị Th, sinh ngày 27/7/2015; Tạ Bảo Ph, sinh ngày 21/8/2017. Anh Tạ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh K có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006401 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy